TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 09/4/2021
"V/v *Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Tỉnh.
2. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST-DS ngày 04/11/2020 về việc *"Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; Địa chỉ: 26 Mạc Đăng Dung, tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1984; anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1987; anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2001; Địa chỉ đều trú tại: 26 Mạc Đăng Dung, tổ 4, phường H, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai (anh D có mặt tại phiên tòa; chị N, anh Ng và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu Hi, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Cư có 04 người con chung là chị Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1984; anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1987; anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2001. Đến năm 2019 bà T chết.

Trong quá trình chung sống ông C và bà T đã tạo dựng được một khối tài sản chung gồm: Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006. Trên đất xây dựng một ngôi nhà cấp III diện tích 173,5m^2.

Ngày 15/10/2018 giữa ông C và bà T lập văn bản thỏa thuận về tài sản, có nội dung thống nhất giao toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 cho ông C được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Trong quá trình lập văn bản thỏa thuận giữa các bên không đề cập đến tài sản trên đất là ngôi nhà cấp III diện tích 173,5m^2 nên vẫn còn là tài sản chung của vợ chồng.

Năm 2020 ông C chuyển nhượng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 cho bà Nguyễn Thị Thu Hi nhưng chưa giải quyết phần tài sản trên đất, nay ông C yêu cầu Tòa án chia thừa kế 1/2 ngôi nhà cấp III diện tích 173,5m^2 trị giá 300.000.000đồng. Phần còn lại chia theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2020 ông C trình bày: Toàn bộ ngôi nhà cấp III diện tích 173,5m^2 trị giá 600.000.000đồng, phần tài sản của ông C yêu cầu chia đôi là 1/2 giá trị ngôi nhà, phần còn lại của bà Tại 1/2 giá trị ngôi nhà, nay bà T đã chết yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần ông C được hưởng 1/5 giá trị tài sản mà bà T chết để lại. Tại phiên tòa ông C yêu cầu được chia 1/2 giá trị tài sản chung, phần còn lại 1/2 giá trị tài sản của bà T chết để lại ông C yêu cầu được hưởng thừa kế 1/5 theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2020 chị Nguyễn Thị Thu Hi trình bày: Chị Hi đã mua lại của ông C đất và tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006. Trên đất xây dựng một ngôi nhà cấp III. Hiện tại giữa chị Hi và ông C đã thực hiện xong việc chuyển nhượng, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 đứng tên Nguyễn Thị Thu Hi. Nay các con ông C yêu cầu chia tài sản trên đất, chị Hi để Tòa án giải quyết thừa kế theo pháp luật. Sau đó ông C làm thủ tục chuyển nhượng lại cho chị Hi thì chị Hi sẽ giao số tiền còn lại cho ông C là 850.000.000đồng. Tại phiên tòa chị Hi có ý kiến tài sản trên đất về mặt pháp lý là của gia đình ông C, gia đình ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế chị không có ý kiến gì, khi nào ông C làm thủ tục giao lại toàn bộ tài sản trên đất cho chị thì chị Hi sẽ giao toàn bộ số tiền còn lại.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2021 chị Nguyễn Thị Lệ N trình bày: Cha và mẹ của chị Ng là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T, hiện còn 04 người con chung là Nguyễn Thị Lệ N; anh Nguyễn Văn Ng; anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H, ông bà ngoại chị Ng mất đã lâu, sau khi bà T chết ông C yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế ngôi nhà cấp III diện tích 173,5m^2 tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, chị N yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2021 anh Nguyễn Văn D trình bày: Ông C yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế ngôi nhà tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Quan điểm anh D đồng ý giá trị tài sản theo pháp luật. Tại phiên tòa anh D

đồng ý giá trị tài sản như kết quả của Hội đồng định giá, anh đồng ý chia giá trị tài sản bằng tiền.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn C; 01 trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị T; 01 trích lục khai tử của ông Nguyễn P; 01 trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị Ng; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 văn bản thỏa thuận về tài sản chứng thực ngày 15/10/2018; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy phép xây dựng số 82/GPXD ngày 28/6/2006; 01 văn bản số 128/KTHT ngày 05/8/2020 về việc trả lời phiếu lấy ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trường hợp ông Nguyễn Văn C; 01 phiếu lấy ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 154/CV-CNVPĐK; 02 sơ đồ thiết kế nhà ở của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; 01 bản tự khai của ông Nguyễn Văn C ngày 04/11/2020; 01 bản tự khai của ông Nguyễn Văn C ngày 01/12/2020; 01 giấy chứng nhận kết hôn và 01 bản khai lý lịch thừa kế ngày 04/12/2020.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 01 bản tự khai của chị Nguyễn Thị Lệ N và 01 bản tự khai của anh Nguyễn Văn D.

Các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp gồm: 01 bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thu Hi và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 06/01/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không đến Tòa án để tham gia tố tụng đầy đủ nên Tòa án không hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án Căn cứ các khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213; Điều 219; Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Chia 1/2 giá trị tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006.

Chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị T chết để lại gồm: 1/2 giá trị tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006, cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Lệ N; anh Nguyễn Văn Ng; anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người được hưởng 1/5 giá trị tài sản.

Giao toàn bộ tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đak Pơ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006 cho ông Nguyễn Văn C trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản bằng tiền được chia thừa kế cho chị Ng, anh Ng, anh D và anh H.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét về yêu cầu chia tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông C và bà T đã tạo dựng được một khối tài sản chung gồm: Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đak Pơ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006. Trên đất xây dựng một ngôi nhà cấp III và một một dãy nhà trọ gắn liền trên đất. Ngày 15/10/2018 giữa ông C và bà T lập văn bản thỏa thuận về tài sản, có nội dung thống nhất giao toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 cho ông C toàn quyền sử dụng và định đoạt. Tại Văn bản thỏa thuận về tài sản không thể hiện về việc giữa các bên thỏa thuận tài sản gắn liền trên đất, nên vẫn được xem là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà T đã chết ông C yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

Xét về quan hệ thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T chết ngày 08/5/2019, đã khai tử với chính quyền địa phương. Khi chết bà T không để lại di chúc thừa kế nên việc các đương sự yêu cầu chia tài sản thừa kế được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự. Tài sản của bà T để lại là 1/2 ngôi nhà cấp III và tài sản khác trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, đây là tài sản bất động sản nên thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia tài sản là 30 năm. Do đó, ngày 04/11/2020 ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế là còn trong thời hiệu khởi kiện và phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét về người thừa kế theo pháp luật: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Theo lời khai của đương sự mối quan hệ hàng thừa kế thứ nhất của người để lại tài sản là bà Nguyễn Thị T thì cha bà Tại là ông Nguyễn P chết năm 1990 và mẹ Nguyễn Thị Ng chết năm 1997, hai người này chết

trước người để lại tài sản thừa kế (cả hai người chết đều có giấy trích lục khai tử), hàng thừa kế thứ nhất còn lại là chồng và các con đẻ của bà T gồm ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Lệ N, anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H (có bản khai lý lịch thừa kế được UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai chứng thực ngày 04/12/2020), ngoài ra bà T không có cha và mẹ nuôi, không có con nuôi. Từ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận sau khi bà T chết người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm chồng và những người con đẻ hiện tại còn sống của bà T.

[4] Xét về nội dung vụ án: Sau khi tranh luận tại phiên tòa cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Ông C và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống đã tạo dựng được tài chung gồm đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006. Trên đất xây dựng một ngôi nhà cấp III và một dãy nhà trọ gắn liền trên đất.

Năm 2018 giữa ông C và bà T lập văn bản thỏa thuận về tài sản có nội dung thống nhất giao toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 cho ông C được quyền sử dụng và định đoạt, tháng 10/2018 ông C đã sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 có nội dung là phân chia tài sản chung vợ chồng cho ông Nguyễn Văn C. Trong quá trình lập văn bản thỏa thuận giữa các bên không đề cập đến tài sản trên đất là ngôi nhà cấp III và dãy nhà trọ gắn liền trên đất nên vẫn còn là tài sản chung của vợ chồng. Nay giữa ông C và các con chung của ông C và bà T tranh chấp tài sản nên việc xác định và phân chia tài sản chung theo quy định tại Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật dân sự là hoàn toàn có cơ sở đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông C.

Đối với tài sản chung của vợ chồng, khi phân chia cần phải xác định công sức đóng góp của mỗi bên tạo dựng nên khối tài sản, nhưng hiện tại bà Nguyễn Thị T đã chết, ông C yêu cầu chia 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng và không có tài liệu nào chứng minh công sức đóng góp của các bên nên việc phân chia tài sản chung của vợ chồng là chia đôi hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật

Tại biên bản định giá tài sản ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản, giá trị tài sản còn lại trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454 gồm có ngôi nhà cấp III và nhà trọ cấp IV có tổng giá trị còn lại là 781.287.163đồng.

Căn cứ vào giá trị tài sản đã được định giá ông Nguyễn Văn C được chia 1/2 giá trị tài sản trên đất, phần của ông C được hưởng có giá trị là 781.287.163đồng/2 phần = 390.643.581đồng.

Đối với tài sản bà Nguyễn Thị T để lại 1/2 giá trị tài sản trên đất còn lại, khi chết bà T không có di chúc nên ông C yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo quy định tại Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự cho hàng thừa kế thứ nhất gồm chồng là ông Nguyễn Văn C và các con đẻ của bà T là chị Nguyễn Thị Lệ N, anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông C. Việc chia tài sản thừa kế được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất, cụ thể như sau:

Hàng thừa kế thứ nhất có 05 người nên việc chia giá trị tài sản thành 05 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng phần tài sản có giá trị như sau: 390.643.582đồng/05 người = 78.128.716đồng/01 người.

Sau khi chia tài sản chung và chia thừa kế phần của ông Nguyễn Văn C được nhận, cụ thể như sau: Chia tài sản 390.643.581đồng + hưởng thừa kế 78.128.716đồng = 468.772.297đồng.

Đối với tài sản trên đất gồm ngôi nhà cấp III và nhà trọ cấp IV nằm trên diện tích đất được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, ngày 06/4/2006, ông Nguyễn Văn C đã làm thủ tục chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị Thu Hi. Ngày 11/9/2020 chị Hi đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454. Hiện tại tài sản mà ông C và các con đang tranh chấp nằm trên đất thuộc quyền sở hữu của chị Hi, nên sau khi chia tài sản chung và chia thừa kế, Hội đồng xét xử giao toàn bộ tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn C quyền sử dụng và định đoạt để thuận tiện cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng với chị Hi đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Ông C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chia thừa kế cho những người được chia là chị N, anh Ng, anh D và anh H mỗi người số tiền là 78.128.716đồng.

[5] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Lệ N, anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người phải chịu án phí dân sơ thẩm trên phần giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí là 2.100.000đồng ông C tự nguyện chịu số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213; Điều 219; Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Chia tài sản chung của Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T là giá trị ngôi nhà cấp III và nhà trọ cấp IV trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006. Phần ông C được hưởng là 390.643.581đồng (ba trăm chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng)

Chia tài sản của bà Nguyễn Thị T chết để lại gồm: 1/2 giá trị tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, tổng số tiền là 390.643.581đồng (ba

trăm chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng), chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất, những người được hưởng cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn C được hưởng số tiền 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Chị Nguyễn Thị Lệ N được hưởng số tiền 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng)

Anh Nguyễn Văn Ng được hưởng số tiền 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng)

Anh Nguyễn Văn D được hưởng số tiền 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng)

Anh Nguyễn Mạnh H được hưởng số tiền 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng)

Giao toàn bộ tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 076454, thửa đất số 62b, tờ bản đồ số 37, diện tích 173,5m^2, vị trí thửa đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/4/2006 cho ông Nguyễn Văn C trọn quyền quản lý sử dụng và định đoạt.

Ông C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chia thừa kế cho chị Nguyễn Thị Lệ N, anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người được hưởng số tiền là 78.128.716đồng (bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 22.750.892đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền ông C đã nộp tạm ứng án phí 9.000.000đồng (chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006941 ngày 04/11/2020 và số: 0006950 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai. Ông C còn phải nộp số tiền án phí là 13.750.892đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Chị Nguyễn Thị Lệ N phải chịu 3.906.436đồng (ba triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 3.906.436đồng (ba triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 3.906.436đồng (ba triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 3.906.436đồng (ba triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.100.000đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) Ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/4/2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình